KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2012/QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình kiểm toán Ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-KTNN ngày 15/02/2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2009/QĐ-KTNN ngày 07/4/2009 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Xét đề nghị của Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành II, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm toán Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2010/QĐ-KTNN ngày 25/01/2010 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Quy trình kiểm toán Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đinh Tiến Dũng

QUY TRÌNH
KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2012/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy trình này quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các bước công việc của cuộc kiểm toán Ngân sách Nhà nước, bao gồm các bước sau:

a) Chuẩn bị kiểm toán;

b) Thực hiện kiểm toán;

c) Lập và gửi báo cáo kiểm toán;

d) Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

2. Quy trình kiểm toán Ngân sách Nhà nước được áp dụng đối với các cuộc kiểm toán ngân sách trung ương (sau đây gọi là kiểm toán ngân sách bộ, ngành), các cuộc kiểm toán ngân sách nhà nước các cấp của địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã), kiểm toán các quỹ tài chính công, tài sản nhà nước khác và kinh phí trung ương ủy quyền. Kiểm toán báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy trình riêng.

3. Quy trình này được áp dụng đối với các đoàn Kiểm toán Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình kiểm toán Ngân sách Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước thực hiện.

Điều 2. Yêu cầu đối với Đoàn kiểm toán và các thành viên của Đoàn kiểm toán khi thực hiện kiểm toán Ngân sách Nhà nước

Khi thực hiện kiểm toán Ngân sách Nhà nước, Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên, thành viên khác của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ các quy định tại Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước và quy định tại Quy trình này.

Điều 3. Loại hình kiểm toán

Tùy theo đặc điểm, tính chất của từng cuộc kiểm toán có thể áp dụng các loại hình kiểm toán như: Kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động.

Chương II
CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Điều 4. Khảo sát, thu thập thông tin

1. Thông tin cơ bản về đơn vị

a) Các chỉ tiêu cơ bản

- Các chỉ tiêu tổng hợp;

- Các chỉ tiêu liên quan đến thu, chi ngân sách;

- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của bộ, ngành và địa phương.

b) Tổ chức bộ máy và tổ chức hệ thống tài chính

- Cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động và phát triển của hệ thống tổ chức của bộ, ngành và địa phương;

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, đặc điểm tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc bộ, ngành và địa phương;

- Tổ chức hệ thống các đơn vị dự toán của bộ, ngành và địa phương.

c) Dự toán và quyết toán ngân sách

- Quyết toán ngân sách của năm trước thời kỳ kiểm toán;

- Dự toán và quyết toán ngân sách thời kỳ kiểm toán

d) Các thông tin liên quan khác tác động đến quản lý, điều hành và thu, chi ngân sách.

2. Những quy định của Nhà nước về quản lý ngân sách bộ, ngành và địa phương

a) Cơ chế quản lý tài chính;

b) Các văn bản pháp quy và các văn bản đặc thù riêng do cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng cho các đơn vị thuộc bộ, ngành và địa phương;

c) Các quy định về phân cấp quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cho các đơn vị thuộc bộ, ngành và địa phương;

d) Những quy định về lập, chấp hành, quyết toán ngân sách.

3. Tổ chức khảo sát và thu thập thông tin

a) Gửi đề cương khảo sát cho đơn vị trước khi tiến hành khảo sát;

b) Khai thác và đánh giá các tài liệu trong hồ sơ kiểm toán của các lần kiểm toán trước;

c) Tổng hợp, nghiên cứu và phân tích các tài liệu do các bộ, ngành và địa phương báo cáo theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước;

d) Thu thập, nghiên cứu các tài liệu, văn bản về quy chế hoạt động, về hệ thống kiểm soát nội bộ, các báo cáo tài chính và các thông tin liên quan tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương;

đ) Trao đổi, phỏng vấn các nhà quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương;

e) Quan sát, ghi chép quy trình, thủ tục về hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương;

g) Thu thập, tổng hợp, phân tích các thông tin liên quan khác về bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 5. Phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập

1. Phân tích đánh giá thông tin

a) Đánh giá độ tin cậy, tính hợp pháp, hợp lệ của các thông tin thu thập được;

b) Phân tích, đánh giá tình hình thu, chi ngân sách nhà nước (phân tích tổng quát báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành, địa phương và các vấn đề liên quan);

c) Phân tích, đánh giá về môi trường kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước;

d) Đánh giá về tổ chức công tác kế toán;

đ) Đánh giá về các quy định nội bộ (về tổ chức và hoạt động) về kiểm soát, kiểm tra, thanh tra thu, chi ngân sách nhà nước, về các quy định quản lý, điều hành thu, chi ngân sách;

e) Đánh giá việc chấp hành các quy định, quy chế nội bộ trong lập, chấp hành, quyết toán thu, chi Ngân sách Nhà nước của các đơn vị thuộc bộ, ngành và địa phương;

g) Đánh giá về hoạt động kiểm soát, kiểm tra, thanh tra thu, chi ngân sách (chủ yếu do các cơ quan: Thanh tra chính phủ; Thanh tra tài chính, Kho bạc nhà nước thực hiện);

h) Đánh giá tổng hợp về độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ của bộ, ngành và địa phương.

2. Đánh giá rủi ro kiểm toán, lựa chọn các đơn vị được kiểm toán, xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán

a) Đánh giá rủi ro kiểm toán.

Việc đánh giá và xác định rủi ro kiểm toán trong giai đoạn này là dựa trên những đánh giá tổng quát về các yếu tố tác động đến rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát tổng quát của từng đơn vị để làm cơ sở cho lựa chọn đơn vị được kiểm toán.

b) Lựa chọn các đơn vị được kiểm toán

Dựa trên đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán và yêu cầu quản lý để lựa chọn đơn vị được kiểm toán.

c) Xác định những nội dung trọng tâm kiểm toán

Để xác định những hoạt động trọng tâm cần kiểm toán (trong đó có nội dung thu, chi ngân sách) cần dựa trên đánh giá rủi ro kiểm toán, quy mô thu, chi hoặc những hoạt động quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của bộ, ngành và địa phương.

Điều 6. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán

1. Lập kế hoạch kiểm toán

a) Mục tiêu kiểm toán

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán ngân sách các cấp tại bộ, ngành và địa phương được kiểm toán;

- Đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế trong lập, chấp hành, quyết toán Ngân sách Nhà nước và trong các hoạt động có liên quan;

- Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

b) Nội dung kiểm toán

Nội dung kiểm toán tại các bộ, ngành và địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Kiểm toán nhà nước.

c) Phạm vi và các nội dung trọng tâm kiểm toán

- Xác định thời kỳ kiểm toán;

- Xác định các đơn vị được kiểm toán và những nội dung trọng tâm kiểm toán theo kết quả tại điểm c, khoản 2, Điều 5 của Quy trình này;

d) Các tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động

Những hướng dẫn trong xây dựng, lựa chọn tiêu chí và mức chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động trong từng lĩnh vực hoạt động của các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước:

- Hoạt động tổ chức thu ngân sách nhà nước;

- Hoạt động đầu tư phát triển;

- Hoạt động quản lý hành chính nhà nước;

- Hoạt động sự nghiệp công;

- Hoạt động của các chương trình mục tiêu;

- Hoạt động tài chính khác.

đ) Lập kế hoạch thời gian và bố trí nhân sự thực hiện kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.5 và tiểu mục 5.6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

e) Xác định kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết cho cuộc kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 7. Phổ biến quyết định, kế hoạch kiểm toán và cập nhật kiến thức cho các thành viên đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 8. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 8, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Chương III
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

Điều 9. Công bố quyết định kiểm toán

Việc công bố quyết định kiểm toán thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 10. Thực hiện kiểm toán

1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

Việc nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan được tiến hành đối với từng đơn vị dự toán, gồm:

- Nghiên cứu, đánh giá về các yếu tố môi trường kiểm soát của đơn vị;

- Đánh giá công tác tổ chức kế toán ngân sách của đơn vị;

- Nghiên cứu, đánh giá các quy trình và thủ tục kiểm soát nội bộ về lập, chấp hành, quyết toán và kiểm soát thu, chi ngân sách;

- Đánh giá độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị;

- Phân tích báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị.

2. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

a) Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Kế hoạch kiểm toán chi tiết được lập đối với từng đơn vị được kiểm toán. Những nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán chi tiết, gồm:

- Mục tiêu kiểm toán: các mục tiêu kiểm toán tập trung vào việc đánh giá sự tuân thủ, hợp lý, hiệu quả của việc thực hiện các giải pháp, biện pháp và việc ban hành các quy định trong lập, chấp hành ngân sách; đánh giá việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của các cơ quan quản lý nhà nước; đánh giá ban đầu về độ tin cậy của số liệu tổng hợp quyết toán ngân sách.

- Nội dung kiểm toán: các nội dung kiểm toán được xác định phù hợp với nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách của mỗi cơ quan quản lý.

- Phạm vi, trọng tâm và giới hạn kiểm toán: xác định thời kỳ kiểm toán; xác định các bộ phận được kiểm toán; xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán trên cơ sở đánh giá cụ thể về kiểm soát nội bộ và theo kế hoạch kiểm toán; giới hạn kiểm toán không thực hiện được bởi lý do khách quan hoặc chủ quan.

- Các phương pháp kiểm toán: xác định các phương pháp kiểm toán áp dụng đối với từng nội dung kiểm toán.

- Phân công nhiệm vụ kiểm toán: bố trí nhân sự và lịch trình thực hiện kiểm toán cho từng nội dung kiểm toán (chương trình kiểm toán).

b) Xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.2, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

Nội dung kiểm toán tại các bộ, ngành và địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Kiểm toán nhà nước và quy định tại tiểu mục 2.1.3, Mục II, Phụ lục 01 (đối với kiểm toán ngân sách bộ, ngành) và tiểu mục 2.1, Mục II, Phụ lục 02 (đối với kiểm toán ngân sách địa phương) của Quy trình này.

4. Tổ trưởng kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện: Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

5. Kiểm toán viên ký các biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán: Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

6. Lập báo cáo kiểm toán hoặc biên bản xác nhận số liệu tình hình kiểm toán: Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Chương IV
LẬP, PHÁT HÀNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

Điều 11. Lập và phát hành báo cáo kiểm toán

1. Trình tự, thủ tục thực hiện bước lập và gửi báo cáo kiểm toán Ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ban hành theo Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Báo cáo kiểm toán Ngân sách Nhà nước được lập theo mẫu quy định tại Hệ thống mẫu biểu hồ sơ của Kiểm toán Nhà nước, bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Khái quát về tình hình cuộc kiểm toán gồm: Mục tiêu, nội dung kiểm toán; phạm vi và đối tượng kiểm toán; căn cứ kiểm toán; tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện cuộc kiểm toán: các đơn vị hoặc bộ phận được kiểm toán, thời gian và địa điểm kiểm toán, phương pháp tổ chức thực hiện kiểm toán;

b) Tổng hợp kết quả kiểm toán gồm: Tổng hợp các phát hiện kiểm toán; phân tích các nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động sai lệch so với tiêu chuẩn (phát

hiện kiểm toán); đánh giá những hậu quả (lượng hóa) do những hoạt động sai lệch so với tiêu chuẩn gây ra; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước và các nguồn lực khác (nhân lực, vật lực); đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước và các nguồn lực khác (nhân lực, vật lực);

c) Kiến nghị kiểm toán.

Điều 12. Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại Luật Kiểm toán nhà nước; Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và Quy trình kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đinh Tiến Dũng

Phụ lục 01
QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH BỘ NGÀNH
(Kèm theo Quyết định số 05/2012/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Ngoài các vấn đề đã nêu tại Quy trình trên khi tiến hành kiểm toán ngân sách bộ, ngành cần chú ý một số vấn đề sau:

Mục I
CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

1. Khảo sát, thu thập thông tin

1.1. Thông tin cơ bản về đơn vị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Chương II của Quy trình này.

1.2. Những quy định của nhà nước về quản lý ngân sách bộ, ngành

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Chương II của Quy trình này.

1.3. Thông tin về tình hình tài chính của đơn vị (Thu, chi ngân sách bộ, ngành)

1.3.1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn cho đầu tư xây dựng;
- Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng trong năm;
- Công tác đấu thầu và chỉ định thầu các dự án (chi tiết số liệu và tình hình theo từng dự án);
- Tình hình cấp phát, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng (tổng hợp toàn ngành và chi tiết cho từng chủ đầu tư, ban quản lý dự án và từng dự án).

Chi hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước: dự toán và quyết toán theo từng nội dung chi.

Chi đầu tư phát triển khác: kế hoạch, dự toán và quyết toán theo từng nội dung chi.

1.3.2. Thu và chi thường xuyên: dự toán, quyết toán thu, chi phân theo các cấp, các đơn vị dự toán.

1.3.3. Chi chương trình mục tiêu:

- Nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của các chương trình mục tiêu do bộ quản lý thực hiện;
- Dự toán và quyết toán chi chương trình mục tiêu do các ban quản lý của bộ, ngành thực hiện.

1.4. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin liên quan khác

1.4.1. Thông tin liên quan đến môi trường kiểm soát

- Các chính sách, tình hình kinh tế, xã hội trong năm tác động đến quản lý, điều hành và thực hiện thu, chi ngân sách;

- Sự thay đổi về tổ chức bộ máy tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành (nếu có);

- Quan điểm chỉ đạo và phương thức quản lý, điều hành của bộ máy quản lý các cấp; những đặc thù về chính sách nhân sự của bộ, ngành và của các đơn vị;

- Cơ chế phân cấp quản lý tài chính, ngân sách;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ và thanh tra nội bộ.

1.4.2. Thông tin liên quan đến hệ thống kế toán

- Chế độ kế toán áp dụng;

- Tổ chức công tác kế toán và tình hình chấp hành chế độ kế toán.

1.4.3. Thông tin liên quan đến các thủ tục kiểm soát

- Các quy chế, quy định trong tổ chức hoạt động, quy định về kiểm tra, giám sát;

- Các quy định về quy trình, thủ tục trong các hoạt động chủ yếu của bộ, ngành;

- Tình hình chấp hành các quy định về lập, chấp hành, quyết toán thu, chi ngân sách.

1.4.4. Thông tin khác

- Những sai sót, gian lận phát hiện từ các cuộc kiểm toán trước của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) và của các cơ quan thanh tra, kiểm tra của nhà nước liên quan đến thu, chi ngân sách bộ, ngành trong thời kỳ kiểm toán;

- Những tranh chấp về hợp đồng kinh tế, khiếu kiện liên quan đến các đơn vị được kiểm toán thuộc bộ, ngành trong thời kỳ kiểm toán;

- Những thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề gây bức xúc trong xã hội, đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quản lý và sử dụng Ngân sách Nhà nước (NSNN) tại bộ, ngành trong thời kỳ kiểm toán.

1.5. Tổ chức khảo sát và thu thập thông tin

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 4 của Quy trình này.

2. Phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập

2.1. Phân tích đánh giá thông tin

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy trình này.

2.2. Đánh giá rủi ro kiểm toán, lựa chọn các đơn vị được kiểm toán, xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy trình này cần bổ sung một số nội dung sau:

2.2.1. Đánh giá rủi ro kiểm toán:

- Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán (đánh giá định lượng về rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát) cho từng báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp II, cấp III; các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, ban quản lý chương trình mục tiêu;

- Phân nhóm các đơn vị theo mức rủi ro kiểm toán và theo từng lĩnh vực hoạt động của các đơn vị để làm cơ sở lựa chọn đơn vị được kiểm toán.

2.2.2. Lựa chọn các đơn vị được kiểm toán

Dựa trên đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán và yêu cầu quản lý để lựa chọn đơn vị được kiểm toán, gồm:

- Đơn vị dự toán cấp I và các đơn vị dự toán cấp II;

- Các đơn vị dự toán cấp III;

- Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Các Ban quản lý chương trình mục tiêu.

2.2.3. Xác định những nội dung trọng tâm kiểm toán

Dựa trên đánh giá rủi ro kiểm toán, quy mô thu, chi hoặc những hoạt động quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của bộ, ngành để xác định:

- Những hoạt động trọng tâm cần kiểm toán (trong đó có nội dung thu, chi ngân sách) chung cho bộ, ngành;

- Những hoạt động trọng tâm cần kiểm toán (trong đó có nội dung thu, chi ngân sách) tại từng loại đơn vị: tại đơn vị dự toán cấp I, cấp II, cấp III; tại các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; tại các Ban quản lý chương trình mục tiêu.

3. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán

3.1. Lập kế hoạch kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6 của Quy trình này cần bổ sung một số nội dung sau:

3.1.1. Mục tiêu kiểm toán

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I của bộ, ngành và các đơn vị dự toán cấp II và cấp III được kiểm toán;

- Đánh giá tình hình thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

3.1.2. Nội dung kiểm toán

- Hoạt động quản lý, điều hành ngân sách và các hoạt động có liên quan tại các đơn vị dự toán cấp I và cấp II của bộ, ngành;

- Hoạt động thu, chi ngân sách của bộ, ngành và các hoạt động có liên quan tại các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước: tổ chức thực hiện chi

đầu tư phát triển; tổ chức thực hiện thu, chi thường xuyên; tổ chức thực hiện chi chương trình mục tiêu; tổ chức quản lý và sử dụng tài sản.

3.1.3. Phạm vi và các nội dung trọng tâm kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 6 của Quy trình này.

3.1.4. Các tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động

Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 6 của Quy trình này.

3.1.5. Lập kế hoạch thời gian và bố trí nhân sự thực hiện kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.5 và tiểu mục 5.6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3.1.6. Xác định kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết cho cuộc kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3.2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

4. Phổ biến quyết định, kế hoạch kiểm toán và cập nhật kiến thức cho các thành viên đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

5. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 8, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Mục II
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

1. Công bố quyết định kiểm toán

Việc công bố quyết định kiểm toán thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Thực hiện kiểm toán

2.1. Kiểm toán tại các đơn vị dự toán cấp I và cấp II

2.1.1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy trình này.

2.1.2. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

2.1.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 10 của Quy trình này cần chú ý nội dung:

Nội dung kiểm toán: tập trung vào công tác quản lý và điều hành ngân sách và các hoạt động có liên quan của các đơn vị dự toán cấp I, cấp II; nếu tại các đơn vị dự toán cấp I hoặc cấp II, đồng thời có các hoạt động trực tiếp thu, chi của ngân sách thì nội dung thu, chi đó được áp dụng trình tự như kiểm toán tại đơn vị dự toán cấp III.

2.1.2.2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.2, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

Kiểm toán tổng hợp theo các nội dung

- Tổng hợp quá trình quản lý và điều hành kinh phí: từ khâu lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán NSNN;

- Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong quản lý, điều hành, công tác tham mưu đối với các hoạt động quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; và lĩnh vực quản lý nhà nước theo chức năng được giao;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán.

2.1.3.1. Công tác quản lý chi đầu tư phát triển

a) Quản lý chi đầu tư xây dựng

Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư:

- Những căn cứ xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư xây dựng: quy hoạch của bộ, ngành và kế hoạch 05 năm về đầu tư xây dựng; việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng của bộ, ngành;

- Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra, phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư xây dựng;

- Các quy định nội bộ của bộ, ngành về quản lý vốn đầu tư xây dựng;

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng.

Thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng:

- Việc thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật;

- Việc ứng trước và thanh toán vốn cho các dự án đầu tư xây dựng;

- Công tác quản lý, điều hành vốn đầu tư xây dựng: việc điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng; việc nợ đọng vốn đầu tư xây dựng; việc kéo dài thời gian thanh toán vốn của các dự án...

Kế toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng:

- Việc tổ chức công tác kế toán vốn đầu tư xây dựng;

- Công tác quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách và quyết toán vốn đầu tư theo dự án hoàn thành.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý vốn đầu tư.

b) Quản lý chi hỗ trợ doanh nghiệp:

Lập và phê duyệt dự toán:

- Những căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ chi hỗ trợ doanh nghiệp;

- Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán chi hỗ trợ doanh nghiệp;

- Các quy định nội bộ của bộ, ngành về quản lý chi hỗ trợ doanh nghiệp;

- Nguồn vốn chi hỗ trợ doanh nghiệp.

Thực hiện dự toán chi hỗ trợ doanh nghiệp: việc tuân thủ các quy định, cấp phát đúng mục đích, đối tượng, tiến độ.

Kế toán và quyết toán chi hỗ trợ doanh nghiệp;

Việc tuân thủ các quy định và xử lý tài chính trong tổ chức sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu của các doanh nghiệp trực thuộc.

c) Quản lý chi đầu tư phát triển khác của bộ, ngành.

2.1.3.2. Công tác quản lý thu, chi thường xuyên và chi chương trình mục tiêu

a) Quản lý thu, chi thường xuyên

- Công tác lập và phân bổ dự toán thu, chi:

+ Những căn cứ xây dựng dự toán thu, chi;

+ Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán;

+ Sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu, chi thường xuyên;

+ Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị.

- Công tác quản lý, điều hành dự toán:

+ Việc tổ chức điều hành ngân sách, tiến độ thực hiện thu, chi ngân sách;

+ Việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, chi;

+ Việc quản lý các khoản kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước (kinh phí cải cách tiền lương; kinh phí tinh giản biên chế...);

+ Việc thực hiện và chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý tài chính ngân sách.

- Công tác kế toán và quyết toán:

+ Việc tổ chức công tác kế toán;

+ Việc quyết toán các khoản kinh phí do đơn vị dự toán cấp I, cấp II trực tiếp sử dụng (nếu có);

+ Việc tổng hợp quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I và các đơn vị dự toán cấp II từ các cấp, đơn vị dự toán cấp dưới.

- Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý chi thường xuyên.

b) Quản lý chi chương trình mục tiêu

- Công tác lập và phê duyệt dự toán:

+ Những căn cứ xây dựng và phân bổ dự toán;

+ Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán;

+ Các quy định nội bộ của bộ, ngành về quản lý;

+ Nguồn vốn chi chương trình mục tiêu.

- Công tác quản lý và thực hiện dự toán: việc tuân thủ các quy định, phân bổ kinh phí đúng mục đích, đối tượng, tiến độ.

- Tổ chức công tác kế toán và quyết toán chi chương trình mục tiêu.

- Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý chi chương trình mục tiêu.

2.1.4. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.5. Kiểm toán viên ký các biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.2. Kiểm toán tại các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng NSNN

Các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng NSNN thuộc bộ, ngành gồm: các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, các đơn vị dự toán cấp III, các ban quản lý chương trình mục tiêu.

2.2.1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

Việc nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan được tiến hành đối với từng đơn vị, gồm:

- Nghiên cứu, đánh giá về các yếu tố môi trường kiểm soát của đơn vị;

- Đánh giá việc tổ chức công tác kế toán của đơn vị;

- Nghiên cứu, đánh giá các quy trình và thủ tục kiểm soát nội bộ về lập, chấp hành, quyết toán và kiểm soát thu, chi ngân sách đối với các hoạt động chủ yếu của đơn vị;

- Đánh giá độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với từng nội dung, khoản mục được kiểm toán;

- Đánh giá rủi ro và trọng yếu kiểm toán đối với từng khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị;

- Phân tích báo cáo quyết toán của đơn vị.

2.2.2. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

2.2.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết

Kế hoạch kiểm toán chi tiết được lập đối với từng đơn vị dự toán. Những nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán chi tiết, gồm:

- Mục tiêu kiểm toán: đánh giá sự tuân thủ pháp luật và các quy định trong lập, chấp hành và quyết toán ngân sách của đơn vị, việc tuân thủ các quy định trong quản lý thu, chi ngân sách; đánh giá tính trung thực, khách quan của báo cáo quyết toán; đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước tại đơn vị;

- Nội dung kiểm toán: xác định chi tiết để thực hiện được các mục tiêu kiểm toán; trong đó, đối với kiểm toán hoạt động, cần xác định rõ những hoạt động hoặc yếu tố kinh tế chủ yếu cần đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và sử dụng;

- Phạm vi và trọng tâm kiểm toán: xác định thời kỳ kiểm toán; giới hạn về các tổ chức thuộc từng đơn vị được kiểm toán và giới hạn về nội dung kiểm toán; xác định các trọng tâm kiểm toán trong từng đơn vị được kiểm toán;

- Xác định rủi ro kiểm toán và trọng yếu kiểm toán*:* rủi ro và trọng yếu kiểm toán xác định đối với từng khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán của đơn vị;

- Xác định quy mô mẫu kiểm toán: mẫu kiểm toán được xác định đối với từng khoản mục kiểm toán của báo cáo quyết toán của đơn vị;

- Các phương pháp kiểm toán: các phương pháp kiểm toán được xác định đối với từng nội dung, khoản mục được kiểm toán;

- Các tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động: xác định các phương pháp, căn cứ trong xây dựng, lựa chọn tiêu chí và mức chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động (tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực) trong từng hoạt động hoặc đối với từng yếu tố kinh tế của đơn vị;

- Phân công nhiệm vụ kiểm toán: bố trí nhân sự và lịch trình thực hiện kiểm toán cho từng nội dung kiểm toán (xây dựng chương trình kiểm toán cho từng bộ phận, nội dung kiểm toán).

2.2.2.2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

Việc xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.2, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.2.3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

2.2.3.1. Tại các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng

a) Công tác quản lý, điều hành của ban quản lý dự án

- Tình hình lập, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng: việc tuân thủ các quy định của nhà nước về trình tự, thủ tục, điều kiện ghi kế hoạch vốn; thời gian bố trí vốn cho các dự án nhóm B,C; thời gian lập và giao kế hoạch vốn; chấp hành các quy định về đối tượng, chế độ thanh toán vốn...;

- Việc thực hiện công tác đấu thầu: về trình tự, thủ tục; về việc chấp hành các quy định về đấu thầu, về tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật;

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: thời gian, quy trình, thủ tục và giá trị lập, thẩm định, phê duyệt;

- Việc chấp hành các quy định trong quản lý dự án đầu tư: về tiến độ thi công; công tác giám sát, nghiệm thu, bàn giao công trình vào sử dụng; công tác lập báo cáo hoàn công và quyết toán dự án đầu tư xây dựng;

- Việc theo dõi, hạch toán kế toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng.

b) Công tác quản lý và thực hiện thu, chi thường xuyên của ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: kiểm toán công tác quản lý và thực hiện thu, chi thường xuyên của ban quản lý dự án thực hiện như đối với của đơn vị dự toán cấp III và theo các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý dự án đầu tư xây dựng.

c) Báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng: kiểm toán báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và các dự án đầu tư xây dựng dở dang được thực hiện theo Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư hiện hành của Kiểm toán Nhà nước.

2.2.3.2. Tại các đơn vị dự toán cấp III và tại các ban quản lý chương trình mục tiêu

a) Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị

- Công tác lập và phân bổ dự toán thu, chi: những căn cứ xây dựng dự toán thu, chi; việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán; sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu, chi thường xuyên;

- Công tác quản lý, điều hành dự toán: việc tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị; việc tổ chức điều hành ngân sách, tiến độ thực hiện thu, chi ngân sách; việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, chi, điều chỉnh dự toán; việc quản lý các khoản kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước (kinh phí cải cách tiền lương; kinh phí tinh giản biên chế; chính sách tiết kiệm...); việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài chính ngân sách;

- Công tác kế toán và quyết toán: việc tổ chức công tác kế toán, công tác lập và phê duyệt báo cáo quyết toán.

b) Kiểm toán việc thực hiện thu, chi ngân sách và các hoạt động liên quan

** Kiểm toán nguồn kinh phí và việc sử dụng kinh phí*

Nguồn kinh phí hoạt động, gồm: ngân sách cấp cho chi thường xuyên và chi không thường xuyên; viện trợ; các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định và nguồn kinh phí khác. Nguồn kinh phí chương trình mục tiêu, gồm: ngân sách cấp, viện trợ và các nguồn khác. Nguồn vốn kinh doanh (trong các đơn vị sự nghiệp), gồm: vốn do cán bộ, viên chức đóng góp; bổ sung từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; vay ngân hàng...

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số kinh phí được cấp so với dự toán hoặc số dư đầu kỳ (kiểm tra số dư cuối kỳ năm trước, số dự toán, số thông báo phân bổ kinh phí và cân đối các nguồn kinh phí);

- Số kinh phí thực rút tại kho bạc, ngân hàng, số thu sự nghiệp và các nguồn kinh phí khác;

- Số quyết toán chi, số kinh phí được cấp phát và sử dụng theo từng nguồn; xác định số kinh phí còn lại cuối kỳ theo từng nguồn.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong hình thành và sử dụng các nguồn kinh phí:

- Sự tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục trong sử dụng kinh phí;

- Sự tuân thủ các quy định trong tổng hợp, phê duyệt quyết toán kinh phí và giải quyết các vấn đề liên quan về thừa, thiếu, bổ sung, điều chỉnh kinh phí.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong huy động và sử dụng các nguồn kinh phí, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Sự hợp lý trong xác định nguồn kinh phí và quy mô kinh phí so với yêu cầu hoạt động (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Tiến độ thực hiện các hoạt động và kết quả sử dụng kinh phí, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư, các chương trình mục tiêu (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Việc sử dụng đúng mục đích và mức độ đáp ứng các yêu cầu trong thực hiện các mục tiêu hoạt động của từng nguồn kinh phí và nội dung chi của từng nguồn kinh phí trong hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền, gồm: tiền mặt, tiền gửi, chứng khoán, kim loại quý (nếu có)...

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Xác định số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ trên cơ sở số liệu kế toán, báo cáo quyết toán và số liệu đối chiếu với kho bạc, ngân hàng của năm kiểm toán;

- Xác định nguồn gốc của các khoản tiền (số dư tiền mặt, tiền gửi) và các khoản tương đương tiền của đơn vị; nếu là ngoại tệ, chứng khoán, kim loại quý... phải kiểm tra tính toán lại giá trị thị trường và quy đổi tỷ ra Việt Nam Đồng tại thời điểm ghi trong bảng cân đối kế toán cuối năm.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý và sử dụng tiền và các khoản tương đương tiền:

- Việc quản lý quỹ tiền mặt, tiền gửi (việc thực hiện đối chiếu giữa sổ kế toán và kiểm kê thực tế tiền mặt, xác nhận tiền gửi của Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; mức tồn quỹ tiền mặt; kỳ hạn gửi tiền; quy trình luân chuyển chứng từ tiền mặt, tiền gửi; trình tự thủ tục xuất, nhập quỹ và thanh toán bằng tiền gửi);

- Việc đáp ứng các điều kiện trong sử dụng tiền và các khoản tương đương tiền: xuất nhập quỹ tiền mặt; rút hoặc thanh toán bằng tiền gửi, tính đầy đủ, hợp pháp hợp lệ của chứng từ thu, chi quỹ và chứng từ tài khoản tiền gửi.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý tiền và các khoản tương đương tiền, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Mức tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi và dự trữ các khoản tương đương tiền bình quân trong năm, quý, tháng tại đơn vị (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm, tính hiệu quả);

- Việc đáp ứng yêu cầu về tiền và các khoản tương đương tiền trong hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa, công cụ, dụng cụ*

Nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa, công cụ, dụng cụ bao gồm cả số tồn kho và số xuất dùng, số đang sử dụng.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Xác định số nguyên vật liệu theo từng loại, gồm: số đầu kỳ, số tăng, giảm trong kỳ, số cuối kỳ về cả số lượng và giá trị (việc tính giá hàng tồn kho, việc hạch toán giá trị xuất, nhập của vật tư, hàng hóa);

- Đối chiếu giữa số liệu kiểm kê và sổ kế toán, báo cáo quyết toán; số liệu về xử lý chênh lệch phát sinh khi kiểm kê, việc thanh lý, xử lý hàng hóa, vật tư, công cụ, dụng cụ mất mát, hư hỏng, kém phẩm chất hoặc không cần dùng;

- Việc theo dõi sử dụng đối với công cụ, dụng cụ đang dùng; công cụ, dụng cụ, vật tư đã mua và quyết toán nhưng chưa sử dụng, chuyển sang năm sau;

- Đối chiếu số liệu giữa báo cáo quyết toán với sổ kho, thẻ kho, sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý và sử dụng nguyên liệu, vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ:

- Sự tuân thủ các quy định trong xác định nhu cầu, lập dự toán, kế hoạch, phê chuẩn kế hoạch và nguồn kinh phí mua sắm;

- Sự tuân thủ các quy định về đấu thầu, mua sắm nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa, công cụ, dụng cụ;

- Sự tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức tiêu hao, sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ;

- Sự tuân thủ các quy định về kiểm kê, kiểm tra, thanh tra về nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ và xử lý chênh lệch từ kết quả kiểm kê, kiểm tra, thanh tra;

- Sự tuân thủ các quy định về việc thanh lý, xử lý hàng hóa, vật tư, công cụ, dụng cụ mất mát, hư hỏng kém phẩm chất hoặc không cần dùng.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và sử dụng nguyên liệu, vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính đúng đắn và hợp lý trong việc xác định nhu cầu, tổ chức công tác đấu thầu, công tác mua sắm, phương thức thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa, công cụ, dụng cụ (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Mức độ và chi phí tồn trữ vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ so với định mức tồn trữ (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Việc xây dựng, áp dụng quy định về tiêu chuẩn định mức tiêu hao, định mức hao hụt, định mức trong sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán tài sản cố định*

Tài sản cố định bao gồm cả tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định trong kho, đang sử dụng, cho mượn, cho thuê; tài sản cố định được kiểm tra, đánh giá cả về mặt hiện vật và giá trị.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Xác định tài sản cố định theo từng loại, gồm: số đầu kỳ, số tăng, giảm trong kỳ, số cuối kỳ về cả số lượng, giá trị (tính theo nguyên giá, giá trị đã khấu hao và giá trị còn lại) và nguồn hình thành đối với từng tài sản cố định;

- Số liệu kiểm kê; đối chiếu giữa số liệu kiểm kê và sổ kế toán, báo cáo quyết toán; kiểm tra việc xử lý chênh lệch phát sinh khi kiểm kê;

- Việc theo dõi, hạch toán kế toán đối với toàn bộ quá trình mua sắm, xuất dùng, tồn kho, sửa chữa lớn, khấu hao, nhượng bán, thanh lý, xử lý tài sản cố định không dùng, mất mát.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý và sử dụng tài sản cố định:

- Những căn cứ và quy trình, thủ tục của việc xác định nhu cầu, kế hoạch, sự phê chuẩn kế hoạch mua sắm và nguồn kinh phí mua sắm tài sản cố định;

- Việc tuân thủ các quy định về đấu thầu mua sắm tài sản; các quy định về hồ sơ thủ tục mua sắm, thanh toán, bàn giao, đưa vào sử dụng tài sản cố định;

- Việc tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng tài sản (giao, nhận, bảo quản, sửa chữa); tuân thủ các tiêu chuẩn định mức về sử dụng tài sản; tính đầy đủ, hợp pháp của các hồ sơ tài liệu về quản lý tài sản cố định;

- Sự tuân thủ các quy định về kiểm kê, kiểm tra, thanh tra về tài sản cố định và xử lý chênh lệch phát sinh từ kết quả kiểm kê, kiểm tra, thanh tra;

- Sự tuân thủ các quy định trong thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và sử dụng tài sản cố định, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính đúng đắn và hợp lý trong việc xác định nhu cầu, nguồn vốn mua sắm tài sản cố định (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Tổ chức công tác đấu thầu, công tác mua sắm, phương thức thanh toán tiền mua tài sản cố định (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Mức độ và chi phí tồn trữ tài sản cố định trong kho so với định mức tồn trữ hoặc số tài sản cố định mua về, không sử dụng được (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Việc xây dựng, áp dụng quy định về tiêu chuẩn định mức trong sử dụng tài sản cố định, các quy định về quy trình kỹ thuật trong sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả).

- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán hoạt động mua và sử dụng hàng hóa dịch vụ*

Các khoản chi mua hàng hóa dịch vụ gồm dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, thuê mướn, hội nghị, đoàn ra, đoàn vào, công tác phí...

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Đối chiếu số liệu quyết toán so với dự toán về từng khoản chi và việc hạch toán kế toán các khoản chi;

- Số liệu thanh toán từng mục chi và nguồn kinh phí cho từng mục chi.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý việc mua và sử dụng hàng hóa dịch vụ:

- Những căn cứ của việc lập dự toán, tuân thủ các quy định trong quản lý, thực hiện mua và sử dụng hàng hóa dịch vụ;

- Sự tuân thủ các quy định về định mức, tiêu chuẩn mua và sử dụng hàng hóa dịch vụ.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý việc mua và sử dụng hàng hóa dịch vụ, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Sự hợp lý trong xây dựng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi, trừ các tiêu chuẩn, định mức do nhà nước quy định (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả);

- Hậu quả kinh tế của những trường hợp thực hiện không đúng kế hoạch, định mức, tiêu chuẩn (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán hoạt động thanh toán cho cá nhân*

Các khoản chi thanh toán cho cá nhân gồm: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, học bổng...thanh toán trực tiếp hoặc gián tiếp cho cá nhân.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Đối chiếu số liệu quyết toán so với dự toán về từng khoản chi và việc hạch toán kế toán các khoản chi;

- Số liệu thanh toán từng mục chi và nguồn kinh phí cho từng mục chi.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý các khoản chi thanh toán cho cá nhân:

- Căn cứ của việc lập dự toán, tuân thủ các quy định trong quản lý, thực hiện các mục chi thanh toán cho cá nhân;

- Sự tuân thủ các quy định về định mức, tiêu chuẩn chi;

- Sự tuân thủ các quy định về quy trình, thủ tục thực hiện việc thanh toán cho cá nhân.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý các khoản chi thanh toán cho cá nhân, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Sự hợp lý trong xây dựng các định mức, tiêu chuẩn chi, trừ các tiêu chuẩn, định mức do nhà nước quy định (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả);

- Hậu quả kinh tế của những trường hợp thực hiện không đúng định mức, tiêu chuẩn (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán các khoản phải thu, tạm ứng, các khoản nợ phải trả*

Các khoản phải thu, tạm ứng, các khoản nợ phải trả bao gồm cả đối với nhà nước, khách hàng và nội bộ đơn vị.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số dư đầu kỳ, phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ của các khoản phải thu, tạm ứng, các khoản nợ phải trả;

- Việc theo dõi chi tiết số liệu trên sổ cái, số chi tiết số phải thu, tạm ứng, nợ phải trả theo từng đối tượng, và từng nguồn kinh phí.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý các khoản phải thu, tạm ứng, các khoản nợ phải trả:

- Việc tuân thủ các quy định về tính hợp pháp, thủ tục, quy trình trong việc quản lý các khoản phải thu, tạm ứng và xử lý các khoản không có khả năng thu hồi;

- Việc tuân thủ các quy định về tính hợp pháp, thủ tục, quy trình trong việc quản lý các khoản nợ phải trả và xử lý các khoản không có khả năng trả nợ.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý các khoản phải thu, tạm ứng, nợ phải trả, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Số phải thu, tạm ứng quá hạn hoặc không có khả năng thu hồi (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Số nợ phải trả, nợ quá hạn hoặc không có khả năng trả nợ (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả).

** Kiểm toán việc thu phí, lệ phí và thu sự nghiệp*

Các khoản thu phát sinh tại các đơn vị có quyền hạn theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ về các khoản thu và nộp ngân sách;

- Việc hạch toán kế toán từng khoản thu, nộp ngân sách của đơn vị; số miễn giảm phí, lệ phí;

- Việc thực hiện ghi thu, ghi chi các khoản phí, lệ phí để lại chi tại đơn vị; số chi phí cho thực hiện thu, số chi từ nguồn phí, lệ phí, thu sự nghiệp được để lại chi tiêu nội bộ của đơn vị; số chi hình thành các quỹ của đơn vị.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý các khoản thu:

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong xây dựng định mức, quy chế chi tiêu nội bộ từ nguồn thu để lại cho đơn vị;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong lập dự toán, trong quản lý và thực hiện thu và nộp ngân sách; việc tuân thủ các quy định về chế độ thu, miễn giảm;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong sử dụng các khoản thu được để lại đơn vị;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong việc lập, phê duyệt quyết toán các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý các khoản thu, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính hợp lý trong chi phí cho việc thực hiện các khoản thu (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Tính hợp lý trong quy định việc sử dụng số thu để lại đơn vị sử dụng (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Tính đúng đắn và mức độ thực hiện các mục tiêu trong việc thực hiện nghĩa vụ thu nộp đối với NSNN (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực); mức độ đáp ứng các yêu cầu từ nguồn thu để lại trong hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán các hoạt động dịch vụ và hoạt động kinh doanh*

Các hoạt động dịch vụ và hoạt động có tính chất xuất kinh doanh là các hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ về số thu, chi hoạt động dịch vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh; các khoản thu và và số thu, nộp ngân sách;

- Việc theo dõi, hạch toán doanh thu, chi phí, việc kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh; sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí của hoạt động.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý các hoạt động dịch vụ và hoạt động có tính chất kinh doanh:

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong xây dựng định mức, quy chế chi tiêu nội bộ từ nguồn thu hoạt động dịch vụ và hoạt động có tính chất kinh doanh của đơn vị;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong lập dự toán và kế hoạch hoạt động;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý các hoạt động, trong thực hiện thu, chi cho hoạt động; việc chấp hành nghĩa vụ với thu nộp ngân sách nhà nước;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong lập và phê duyệt quyết toán thu, chi các hoạt động dịch vụ và các hoạt động có tính chất kinh doanh của đơn vị.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý các hoạt động dịch vụ và hoạt động có tính chất kinh doanh của đơn vị, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính hợp lý trong việc bố trí, cung ứng các nguồn lực cho thực hiện các hoạt động (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Tính hợp lý trong việc quản lý, sử dụng các yếu tố đầu vào cho hoạt động trong mối quan hệ với các sản phẩm đầu ra của hoạt động (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Mức độ thực hiện được các mục tiêu trong hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán các quỹ đơn vị*

Các quỹ đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quy định của pháp luật gồm: quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ dự phòng ổn định thu nhập; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ về số trích quỹ, sử dụng quỹ của đơn vị;

- Việc thực hiện theo dõi trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý và sử dụng các quỹ của đơn vị:

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong xây dựng quy chế hình thành và sử dụng các quỹ của đơn vị;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong việc trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong công tác lập và phê duyệt quyết toán các quỹ của đơn vị.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và sử dụng các quỹ của đơn vị, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính hợp lý trong việc sử dụng các quỹ của đơn vị trong mối quan hệ với việc thực hiện các mục tiêu sử dụng quỹ (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Mức độ thực hiện được các mục tiêu về trích và sử dụng các quỹ của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

** Kiểm toán các tài sản khác (theo dõi tại các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)*

Các tài sản khác thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị gồm: tài sản thuê ngoài và tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ về số tài sản khác do đơn vị quản lý;

- Việc thực hiện theo dõi, hạch toán chi tiết đối với từng loại tài sản, đối với từng khách hàng mà đơn vị quản lý tài sản cố định.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý và sử dụng tài sản khác:

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong việc quản lý và sử dụng tài sản thuê ngoài;

- Sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong quản lý tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công.

Kiểm tra, đánh giá tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và sử dụng tài sản khác, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Tính hợp lý trong việc thuê tài sản từ bên ngoài để sử dụng (là cơ sở đánh giá tính tiết kiệm);

- Kết quả kinh tế từ việc sử dụng tài sản thuê ngoài, tài sản nhận giữ hộ so với chi phí thuê tài sản, chi phí giữ hộ tài sản (là cơ sở đánh giá tính hiệu quả);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu hoạt động của đơn vị (là cơ sở đánh giá tính hiệu lực).

2.2.4. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.2.5. Kiểm toán viên ký các biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.2.6. Lập biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.3. Kiểm toán doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ, ngành

Chỉ thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp công ích; các doanh nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn, bù giá, bù lỗ... Quy trình kiểm toán thực hiện theo Quy trình kiểm toán Doanh nghiệp của Kiểm toán Nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp khác do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

2.4. Kiểm toán việc quản lý và sử dụng đất

Việc thực hiện kiểm toán việc quản lý, giao, nhận quyền sử dụng đất và thu, chi ngân sách phát sinh trong quá trình quản lý, giao, nhận quyền sử dụng đất của bộ, ngành và các đơn vị trực thuộc thực hiện theo hướng dẫn kiểm toán chuyên đề về quản lý và sử dụng đất của Kiểm toán Nhà nước.

Mục III
LẬP VÀ GỬI BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Chương IV của Quy trình này.

Mục IV
KIỂM TRA THỰC HIỆN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Chương IV của Quy trình này.

Phụ lục 02
QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 05/2012/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Ngoài các vấn đề đã nêu tại Quy trình trên khi tiến hành kiểm toán ngân sách nhà nước các cấp địa phương cần chú ý một số vấn đề sau:

Mục I
CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

1. Khảo sát, thu thập thông tin

1.1. Thông tin cơ bản về đơn vị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy trình này cần chú ý một số vấn đề sau:

1.2. Những quy định của nhà nước về quản lý ngân sách địa phương

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Quy trình này cần chú ý một số nội dung sau:

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách của địa phương;

- Tỷ lệ phần trăm phân chia thu giữa ngân sách các cấp của địa phương về khoản thu NSNN được phân chia cho ngân sách địa phương;

- Quy định về thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật;

- Các quy định cụ thể về định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định của Chính phủ;

- Quy định về mức huy động vốn đầu tư xây dựng cho ngân sách cấp tỉnh.

1.3. Tổ chức khảo sát và thu thập thông tin

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 4 của Quy trình này cần chú ý một số nội dung sau:

1.3.1. Thông tin về thu NSNN trên địa bàn và các thông tin liên quan

- Tổng hợp thu NSNN trên địa bàn: phân chia theo NSNN các cấp; phân chia theo mục lục ngân sách; phân chia theo sắc thuế; phân chia theo các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (bao gồm: quyết toán của năm trước thời kỳ kiểm toán, dự toán và quyết toán của thời kỳ kiểm toán);

- Tình hình sản xuất kinh doanh, thu nộp ngân sách, miễn giảm thuế, hoàn thuế, nợ thuế của các tổ chức kinh tế trên địa bàn;

- Các thông tin về chính sách, tình hình kinh tế, xã hội tác động đến quản lý, điều hành và thực hiện thu NSNN trên địa bàn;

- Các thông tin về tình hình chấp hành chế độ kế toán và quyết toán thu NSNN trên địa bàn;

- Các thông tin về tình hình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nội bộ (nếu có) về thu NSNN trên địa bàn.

1.3.2. Thông tin về chi ngân sách các cấp địa phương và các thông tin liên quan

1.3.2.1. Thông tin về chi ngân sách cấp tỉnh và các thông tin liên quan

1.3.2.1.1. Thông tin về các đơn vị dự toán cấp tỉnh

- Số lượng đơn vị dự toán cấp tỉnh; số lượng đơn vị hành chính, sự nghiệp;

- Thu thập các thông tin đặc thù của địa phương.

1.3.2.1.2. Thông tin về tình hình chi ngân sách cấp tỉnh

a) Chi NSNN cấp tỉnh phân theo nội dung kinh tế:

Chi đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư xây dựng: tổng số và phân theo các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án;

- Chi đầu tư khác và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp do chính quyền cấp tỉnh quản lý (thông tin gồm kế hoạch vốn; tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản; tình hình thực hiện đầu tư: cấp phát, thanh toán; quyết toán ngân sách năm và quyết toán các dự án hoàn thành);

Chi thường xuyên (thông tin gồm: dự toán; tình hình thực hiện; quyết toán);

Các khoản tạm chi; các khoản chi chuyển nguồn.

b) Các khoản chi từ NSNN và chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại chi, quản lý qua ngân sách theo quy định, phân theo các đơn vị dự toán cấp I, cấp II, cấp III:

- Các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị...;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Các ban quản lý chương trình mục tiêu;

(thông tin gồm: dự toán; tình hình thực hiện thu, chi; quyết toán).

c) Chi kinh phí trung ương ủy quyền (thông tin gồm: dự toán; tình hình thực hiện; quyết toán).

1.3.2.1.3. Những quy định của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và tình hình chấp hành các quy định về lập, chấp hành, quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh.

1.3.2.1.4. Các thông tin về chính sách, tình hình kinh tế, xã hội tác động đến tác động đến quản lý, điều hành và thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh.

1.3.2.1.5. Các thông tin về tình hình chấp hành chế độ kế toán và quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh.

1.3.2.1.6. Các thông tin về tình hình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nội bộ (nếu có) về tài chính, ngân sách của chính quyền cấp tỉnh.

1.3.2.1.7 Các thông tin liên quan khác:

- Sự thay đổi về tổ chức bộ máy tại các cơ quan, đơn vị được ngân sách cấp tỉnh cấp kinh phí (nếu có);

- Những sai sót, gian lận phát hiện từ các cuộc kiểm toán trước của Kiểm toán Nhà nước và của các cơ quan thanh tra, kiểm tra của nhà nước liên quan đến chi ngân sách cấp tỉnh;

- Những tranh chấp về hợp đồng kinh tế, khiếu kiện liên quan đến các đơn vị được kiểm toán thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Những thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề gây bức súc trong xã hội, đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quản lý và sử dụng NSNN ở địa phương.

1.3.2.2. Thông tin về chi ngân sách cấp huyện và các thông tin liên quan (đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện và tổng hợp các đơn vị hành chính cấp huyện của địa phương)

- Thông tin cơ bản về các đơn vị hành chính cấp huyện;

- Thông tin về các đơn vị dự toán cấp huyện (chi tiết tương tự như đối với cấp tỉnh tại mục 1.2, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này);

- Thông tin về tình hình chi ngân sách cấp huyện (chi tiết tương tự như đối với cấp tỉnh tại tiểu mục 1.3.2.1, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này);

- Những quy định của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở tài chính tỉnh và những quy định của UBND huyện và tình hình chấp hành các quy định về lập, chấp hành, quyết toán chi ngân sách cấp huyện;

- Các thông tin về chính sách, tình hình kinh tế, xã hội tác động đến quản lý, điều hành và thực hiện chi ngân sách cấp huyện;

- Các thông tin về tình hình chấp hành chế độ kế toán và quyết toán chi ngân sách cấp huyện;

- Các thông tin về tình hình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nội bộ (nếu có) về tài chính, ngân sách của chính quyền cấp huyện;

- Các thông tin liên quan khác (chi tiết tương tự như đối với cấp tỉnh tại tiểu mục 1.3.2.1.7, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này);

- Tổng hợp thông tin về chi ngân sách cấp huyện của các đơn vị hành chính cấp huyện của địa phương.

1.3.2.3. Thông tin về chi ngân sách cấp xã và các thông tin liên quan

- Thông tin cơ bản về các đơn vị hành chính cấp xã: số đơn vị hành chính cấp xã phân theo từng huyện của địa phương; thông tin về tình hình chi ngân sách cấp xã;

- Những quy định của UBND tỉnh, UBND huyện, hướng dẫn của Sở tài chính tỉnh về lập, chấp hành, quyết toán chi ngân sách cấp xã;

- Các thông tin liên quan khác có liên quan.

2. Phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập

2.1. Phân tích đánh giá thông tin

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy trình này.

2.2. Đánh giá rủi ro kiểm toán, lựa chọn các đơn vị được kiểm toán, xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán

2.2.1. Đánh giá rủi ro kiểm toán:

Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 của Quy trình này và cần xem xét các nội dung sau:

- Đối với thu NSNN trên địa bàn: xác định rủi ro kiểm toán của từng báo cáo quyết toán thu ngân sách của các cơ quan tổ chức thu ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và thu ngân sách xã; trên cơ sở đó phân nhóm các đơn vị theo mức rủi ro để làm cơ sở cho lựa chọn đơn vị được kiểm toán;

- Đối với chi ngân sách cấp tỉnh: xác định rủi ro kiểm toán của từng báo cáo quyết toán chi ngân sách của các đơn vị dự toán và các ban quản lý chương trình mục tiêu, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc tỉnh; trên cơ sở đó phân nhóm các đơn vị theo mức rủi ro kiểm toán để làm cơ sở cho lựa chọn đơn vị được kiểm toán;

- Đối với chi ngân sách cấp huyện: xác định rủi ro kiểm toán của từng báo cáo quyết toán chi ngân sách của các đơn vị hành chính cấp huyện; trên cơ sở đó phân nhóm các đơn vị theo mức rủi ro kiểm toán để làm cơ sở cho lựa chọn các đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm toán;

- Đối với chi ngân sách cấp xã: xác định rủi ro kiểm toán của từng báo cáo quyết toán chi ngân sách của các đơn vị hành chính cấp xã (theo từng đơn vị hành chính cấp huyện); trên cơ sở đó phân nhóm các đơn vị theo mức rủi ro để làm cơ sở cho lựa chọn đơn vị hành chính cấp xã được kiểm toán.

2.2.2. Lựa chọn các đơn vị được kiểm toán

Dựa trên đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán và yêu cầu quản lý để lựa chọn đơn vị thuộc từng cấp chính quyền được kiểm toán, gồm:

- Các cơ quan chức năng giúp UBND tỉnh quản lý điều hành ngân sách, tiền và tài sản nhà nước và các quỹ tài chính công;

- Các đơn vị dự toán và các ban quản lý chương trình mục tiêu, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý;

- Các huyện được kiểm toán, tại các huyện chọn mẫu một số đơn vị dự toán cấp huyện, một số xã để kiểm toán chi tiết.

2.2.3. Xác định những nội dung trọng tâm kiểm toán

Dựa trên đánh giá rủi ro kiểm toán, quy mô thu, chi và những hoạt động quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của địa phương:

- Các nội dung trọng tâm kiểm toán thu NSNN trên địa bàn: đối với thu của các cơ quan tổ chức thu ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Các nội dung trọng tâm kiểm toán chi NSNN các cấp:

+ Đối với chi ngân sách cấp tỉnh;

+ Đối với chi ngân sách cấp huyện;

+ Đối với chi ngân sách cấp xã.

- Các nội dung trọng tâm khác liên quan đến các mục tiêu kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

3. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán

3.1. Lập kế hoạch kiểm toán

3.1.1. Mục tiêu kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6 của Quy trình này cần chú ý một số nội dung.

3.1.1.1. Kiểm toán báo cáo quyết toán NSNN các cấp của địa phương:

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán ngân sách các cấp địa phương;

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ quan thu ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị dự toán, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp tỉnh, cấp huyện được kiểm toán;

- Đánh giá tổng quát độ tin cậy của các số liệu trên báo cáo (tổng hợp) quyết toán NSNN của địa phương (gồm thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách và chi ngân sách các cấp của địa phương);

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán quỹ tài chính công do tỉnh quản lý;

- Đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo quyết toán kinh phí trung ương ủy quyền.

3.1.1.2. Kiểm toán tuân thủ pháp luật và những quy định:

- Đánh giá tổng quát việc tuân thủ pháp luật trong lập, chấp hành, quyết toán NSNN của địa phương (gồm thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách địa phương);

- Đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật trong lập, chấp hành, quyết toán NSNN các cấp;

- Đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật trong hình thành, sử dụng quỹ tài chính công;

- Đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật trong chấp hành và quyết toán kinh phí trung ương ủy quyền.

3.1.1.3. Kiểm toán hoạt động:

- Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động của từng đơn vị được kiểm toán (các đơn vị trực tiếp quản lý thu và sử dụng NSNN cấp tỉnh, huyện và cấp xã; các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý);

- Đánh giá về tính kinh tế, tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng các nguồn lực để thực hiện hoạt động tổ chức thu ngân sách và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thu NSNN của các cơ quan tổ chức thu NSNN các cấp;

- Đánh giá về tính kinh tế, tính hiệu quả trong quản lý và sử dung các nguồn lực để thực hiện hoạt động của các đơn vị, cơ quan được NSNN các cấp cấp kinh phí hoạt động và các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý;

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng thu, chi NSNN các cấp;

- Đánh giá tác động của môi trường bên ngoài đối với tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong hoạt động của đơn vị được kiểm toán;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán hoạt động của các đơn vị được kiểm toán để đánh giá về tính kinh tế, tính hiệu quả, tính hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương.

3.1.2. Nội dung kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 6 của Quy trình này cần chú ý một số nội dung:

3.1.2.1. Đối với NSNN cấp tỉnh

a) Hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp tỉnh của UBND cấp tỉnh và của các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Hoạt động thu ngân sách nhà nước:

- Số thu NSNN và hoạt động quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thu NSNN trên địa bàn của các cơ quan tổ chức thu NSNN cấp tỉnh;

- Số thu nộp NSNN và hoạt động chấp hành nghĩa vụ thu nộp NSNN của các đối tượng nộp ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước do cơ quan tổ chức thu NSNN.

c) Hoạt động chi ngân sách cấp tỉnh:

- Hoạt động quản lý, điều hành chi ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I, cấp II;

- Số chi ngân sách và hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách của các đơn vị dự toán cấp III;

- Số chi chương trình mục tiêu và hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách của các ban quản lý chương trình mục tiêu thuộc cấp tỉnh;

- Số chi đầu tư xây dựng và hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc cấp tỉnh;

- Số chi NSNN và hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí trung ương ủy quyền.

3.1.2.2. Đối với NSNN cấp huyện

a) Hoạt động quản lý, điều hành của UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp huyện.

b) Hoạt động thu ngân sách:

- Số thu NSNN và hoạt động quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thu NSNN trên địa bàn của các cơ quan tổ chức thu NSNN cấp huyện;

- Số thu nộp NSNN và hoạt động chấp hành nghĩa vụ thu nộp NSNN của các đối tượng nộp NSNN do cơ quan tổ chức thu NSNN.

c) Hoạt động chi ngân sách:

Số chi ngân sách và hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách của các đơn vị dự toán và các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, ban quản lý chương trình mục tiêu.

3.1.2.3. Đối với NSNN cấp xã

- Hoạt động quản lý, điều hành thu, chi ngân sách;

- Số thu, chi ngân sách xã và hoạt động tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách.

3.1.3. Phạm vi và các nội dung trọng tâm kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 6 của Quy trình này cần chú ý một số nội dung

3.1.3.1. Đối với NSNN cấp tỉnh

Xác định thời kỳ kiểm toán.

Xác định các đơn vị thuộc cấp tỉnh được kiểm toán:

- Các cơ quan chức năng giúp UBND tỉnh quản lý, điều hành ngân sách;

- Các cơ quan tổ chức thu NSNN; các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý;

- Các đơn vị dự toán cấp I, cấp II và cấp III;

- Các ban quản lý chương trình mục tiêu;

- Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí trung ương ủy quyền.

Xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán cho từng loại đơn vị được kiểm toán.

3.1.3.2. Đối với NSNN cấp huyện

- Xác định thời kỳ kiểm toán;

- Xác định các đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm toán;

- Xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán đối với các đơn vị hành chính cấp huyện.

3.1.3.3. Đối với NSNN cấp xã

- Xác định thời kỳ kiểm toán;

- Xác định các đơn vị hành chinh cấp xã được kiểm toán (theo địa bàn từng huyện được kiểm toán);

- Xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán đối với các đơn vị hành chính cấp xã.

3.1.4. Các tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động

Thực hiện theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 6 của Quy trình này.

3.1.5. Lập kế hoạch thời gian và bố trí nhân sự thực hiện kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.5 và tiểu mục 5.6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3.1.6. Xác định kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết cho cuộc kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 5.7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3.2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 6, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

4. Phổ biến quyết định, kế hoạch kiểm toán và cập nhật kiến thức cho các thành viên đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 7, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

5. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 8, Chương II của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Mục II
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

1. Công bố quyết định kiểm toán

Việc công bố quyết định kiểm toán thực hiện theo quy định tại Điều 9, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Thực hiện kiểm toán

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 10 của Quy trình này khi tiến hành kiểm toán ngân sách các cấp địa phương cần chú ý:

2.1. Kiểm toán ngân sách cấp tỉnh

2.1.1. Kiểm toán hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp tỉnh

2.1.1.1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

Việc nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan được tiến hành đối với từng đơn vị được kiểm toán, gồm:

- Nghiên cứu, đánh giá về tổ chức bộ máy của đơn vị được kiểm toán;

- Đánh giá việc tổ chức hạch toán thống kê và hạch toán kế toán ngân sách;

- Nghiên cứu, đánh giá các quy trình và thủ tục kiểm soát nội bộ về lập, chấp hành, quyết toán và kiểm soát thu, chi ngân sách cấp tỉnh;

- Phân tích báo cáo quyết toán thu, chi và kết dư ngân sách cấp tỉnh.

2.1.1.2. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

a) Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Kế hoạch kiểm toán chi tiết được lập đối với từng đơn vị được kiểm toán. Những nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán chi tiết, gồm:

- Mục tiêu kiểm toán: các mục tiêu kiểm toán tập trung vào việc đánh giá sự tuân thủ, hợp lý, hiệu quả của việc thực hiện các giải pháp, biện pháp và việc ban hành các quy định trong lập, chấp hành ngân sách cấp tỉnh; đánh giá việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của các cơ quan quản lý nhà nước; đánh giá ban đầu về độ tin cậy của số liệu tổng hợp quyết toán ngân sách cấp tỉnh;

- Nội dung kiểm toán: các nội dung kiểm toán được xác định phù hợp với nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách của mỗi cơ quan quản lý;

- Xác định phạm vi và trọng tâm kiểm toán: xác định thời kỳ kiểm toán; xác định các bộ phận thuộc đơn vị được kiểm toán; xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán trên cơ sở đánh giá cụ thể về kiểm soát nội bộ và theo kế hoạch kiểm toán quy định tại tiểu mục 3.1.3, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này;

- Xác định các phương pháp kiểm toán: xác định các phương pháp kiểm toán áp dụng đối với từng nội dung kiểm toán;

- Phân công nhiệm vụ kiểm toán: bố trí nhân sự và lịch trình kiểm toán cho từng nội dung kiểm toán (chương trình kiểm toán).

b) Xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.2, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

a) Kiểm toán tại sở tài chính

Công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách:

- Những cơ sở cho việc lập dự toán ngân sách, vay đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng;

- Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và quyết định ngân sách;

- Sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách và trong giải quyết cân đối ngân sách.

Công tác điều hành ngân sách:

- Việc tổ chức điều hành ngân sách, tiến độ thực hiện thu, chi ngân sách và giải quyết cân đối ngân sách, điều chỉnh ngân sách;

- Việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, chi ngân sách;

- Công tác quản lý các khoản thu ngân sách do Sở tài chính trực tiếp quản lý: thu sự nghiệp, các khoản thu chuyển nguồn từ năm trước sang, các khoản tạm thu

ngân sách, các khoản vay, phát hành công trái, xử lý tạm giữ tài sản, hàng hóa, thanh lý tài sản công; việc điều chỉnh các khoản thu ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán...;

- Công tác quản lý các khoản chi ngân sách do Sở tài chính trực tiếp quản lý: sử dụng nguồn thu cấp quyền sử dụng đất theo Nghị quyết của Quốc hội, thưởng vượt thu, dự phòng ngân sách; việc sử dụng tiền vay; sử dụng ngân sách cho vay, tạm ứng (tạm chi); việc thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách; việc thực hiện chi chuyển nguồn; trợ cấp cho ngân sách cấp dưới; việc sử dụng kết dư ngân sách...;

- Việc thực hiện và chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài chính ngân sách;

- Việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính công;

- Việc chỉ đạo thực hiện quản lý các khoản kinh phí trung ương ủy quyền tại các đơn vị.

Công tác tổng hợp quyết toán ngân sách:

- Sự hợp lý, hợp pháp của những căn cứ lập quyết toán ngân sách; công tác thẩm định và tổng hợp quyết toán của các đơn vị thụ hưởng ngân sách;

- Việc thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng và thẩm định quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành;

- Việc tuân thủ các quy trình, thủ tục trong tổng hợp và lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê chuẩn quyết toán ngân sách;

- Sự tuân thủ pháp luật và tính trung thực của báo cáo các Quỹ tài chính công;

- Việc thẩm định và tổng hợp quyết toán kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền.

b) Kiểm toán tại kho bạc nhà nước tỉnh

- Việc tổ chức công tác hạch toán kế toán ngân sách; hạch toán các tài khoản tạm thu, tạm giữ, tài khoản tiền gửi của các đơn vị dự toán, các khoản thu, chi, tạm chi do Sở tài chính trực tiếp quản lý; hạch toán các khoản thu, chi và việc điều chỉnh báo cáo thu, chi ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán; việc tổng hợp số liệu quyết toán ngân sách;

- Đánh giá bước đầu về tính đúng đắn, trung thực của báo cáo thu ngân sách nhà nước, việc thực hiện tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách và chi ngân sách cấp tỉnh do Kho bạc Nhà nước lập;

- Công tác thanh toán vốn đầu tư xây dựng của ngân sách cấp tỉnh;

- Công tác kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước.

c) Kiểm toán tại sở kế hoạch đầu tư

- Những cơ sở của việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng, của việc huy động vốn vay đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng;

- Việc tuân thủ quy định đầu tư xây dựng và tính hợp lý trong bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng;

- Việc tuân thủ quy định về vay và tình hình huy động vốn vay đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; việc bố trí vốn từ ngân sách cấp tỉnh để thanh toán số nợ vốn đầu tư xây dựng;

- Tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng của ngân sách cấp tỉnh.

d) *Kiểm toán tại Cục Thuế*

d.1) Kiểm toán tổng hợp

Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý thu:

- Công tác lập và phân bổ dự toán thu: những căn cứ xây dựng dự toán thu; việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán; sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu ngân sách;

- Công tác quản lý, điều hành dự toán: việc tổ chức điều hành kế hoạch thu quý, tiến độ thực hiện thu; việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, điều chỉnh dự toán thu; việc thực hiện các chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức thu ngân sách;

- Công tác kế toán và quyết toán: việc tổ chức công tác kế toán, công tác tổng hợp, lập và phê duyệt báo cáo quyết toán thu ngân sách.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số thực thu trong kỳ đối với từng loại thuế; số thuế được miễn giảm; số nợ thuế cuối kỳ; số hoàn thuế giá trị gia tăng;

- Việc theo dõi chi tiết đối tượng nộp thuế;

- Cơ sở và độ tin cậy của số liệu quyết toán thuế.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong tổ chức thu ngân sách nhà nước:

- Việc ban hành các văn bản quy định về công tác quản lý thu của các cơ quan Nhà nước, cá nhân có thẩm quyền và của cơ quan thuế;

- Việc tuân thủ quy trình quản lý thu thuế đối với từng lĩnh vực: việc kê khai thuế, quyết toán thuế của người nộp thuế do cơ quan thuế quản lý; việc kê khai miễn, giảm thuế của người nộp thuế và việc kiểm tra miễn giảm thuế của cơ quan thuế; việc kê khai hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế và kiểm tra trước, sau hoàn thuế của cơ quan thuế;

- Việc quản lý nợ thuế trên địa bàn và áp dụng các biện pháp xử phạt để thu hồi tiền nợ thuế theo quy định của luật quản lý thuế; việc quản lý và xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ do cơ quan thuế quản lý;

- Công tác quản lý, sử dụng và sử lý mất mát biên lai, ấn chỉ thuế;

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các luật thuế của cơ quan thuế đối với người nộp thuế.

Đánh giá hiệu quả công tác quản lý thuế, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế;

- Kết quả phát hiện tăng thuế qua hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế;

- Tiến độ thu thuế và mức độ nợ đọng thuế;

- Mức độ đạt được các mục tiêu nhiệm vụ thu so với dự toán được duyệt;

- Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

d.2) Kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế

Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu của người nộp thuế phải được xây dựng kế hoạch chi tiết. Kế hoạch chi tiết bao gồm các nội dung:

- Xác định mục đích, yêu cầu cần đối chiếu (lý do, nguyên nhân...);

- Nội dung đối chiếu: Việc kê khai, quyết toán các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp NSNN; số liệu kế toán, báo cáo tài chính; hồ sơ kê khai thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế của người nộp thuế và việc thực hiện các kết luận của các cuộc kiểm tra, thanh tra thuế tại đơn vị;

- Đối tượng đối chiếu: Hồ sơ người nộp thuế không đầy đủ, rõ ràng hoặc có dấu hiệu sai phạm;

- Thành phần tham gia đối chiếu: Tổ kiểm toán và cơ quan thuế;

- Địa điểm thực hiện đối chiếu: Chủ yếu tại cục thuế trường hợp đặc biệt có thể thực hiện tại trụ sở người nộp thuế;

- Thời gian thực hiện: Tùy theo quy mô và tính phức tạp để xác định thời gian thực hiện.

Kết quả đối chiếu phải được lập biên bản, có xác nhận của tổ kiểm toán, đại diện cơ quan thuế và đơn vị được đối chiếu.

Kế hoạch chi tiết phải được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt, báo cáo Kiểm toán trưởng và gửi các vụ Tổng hợp, Pháp chế, Chế độ và kiểm soát chất lượng để kiểm tra, giám sát.

e) Kiểm toán tại Cục Hải quan và các Chi cục Hải quan

Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý thu:

- Công tác lập và phân bổ dự toán thu: những căn cứ xây dựng dự toán thu, chi; việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán; sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu ngân sách;

- Công tác quản lý, điều hành dự toán: việc tổ chức điều hành kế hoạch thu quý, tiến độ thực hiện thu; việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, điều chỉnh dự toán thu; việc thực hiện các chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức thu ngân sách;

- Công tác kế toán và quyết toán: việc tổ chức công tác kế toán, công tác lập và phê duyệt báo cáo quyết toán thu ngân sách.

Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của số liệu kế toán:

- Số thực thu trong kỳ đối với từng loại thuế; số thuế được miễn giảm; số nợ đọng thuế cuối kỳ; số hoàn thuế;

- Việc theo dõi chi tiết người nộp thuế;

- Cơ sở và độ tin cậy của số liệu quyết toán thuế.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và những quy định trong tổ chức thu ngân sách nhà nước:

- Việc tuân thủ quy trình quản lý thu thuế xuất nhập khẩu;

- Việc thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, ưu đãi thuế;

- Việc tạm thu thuế và nợ thuế; việc áp dụng các biện pháp để thu hồi tiền nợ thuế;

- Công tác quản lý, sử dụng và xử lý mất biên lai, ấn chỉ thuế;

- Công tác thanh tra, kiểm tra sau thông quan; việc chấp hành các luật thuế của người nộp thuế, của cơ quan Hải quan đối với người nộp thuế.

Đánh giá hiệu quả công tác quản lý thuế, chú ý tập trung vào các vấn đề:

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế;

- Kết quả phát hiện tăng thuế qua hoạt động thanh tra, kiểm tra sau thông quan;

- Tiến độ thu thuế và mức độ nợ đọng thuế;

- Mức độ đạt được các mục tiêu nhiệm vụ thu so với dự toán được duyệt;

- Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu của người nộp thuế thực hiện theo quy định tại điểm d.2. mục kiểm toán đối với cục thuế.

g) Kiểm toán tại các cơ quan khác có liên quan.

2.1.1.4. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.5. Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.6. Tổ kiểm toán lập, ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán đối với từng cơ quan chức năng

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.2. Kiểm toán thu NSNN tại các đối tượng nộp NSNN

2.1.2.1. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

Kiểm toán tại các doanh nghiệp nhà nước

- Những nội dung kiểm toán bao gồm các nội dung của kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động; trong đó, trọng tâm kiểm toán: kết

quả lãi, lỗ; tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước; việc chấp hành pháp luật tài chính, kế toán.

- Tổ chức thực hiện kiểm toán: áp dụng Quy trình kiểm toán Doanh nghiệp do Kiểm toán Nhà nước ban hành.

2.1.1.2. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.3. Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.4. Lập báo cáo kiểm toán hoặc biên bản xác nhận số liệu tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.3. Kiểm toán chi ngân sách cấp tỉnh

2.1.3.1. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán tại đơn vị dự toán cấp I và cấp II

a) Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

Áp dụng như kiểm toán đơn vị dự toán cấp I, cấp II quy định tại tiểu mục 2.1.1, Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này.

b) Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

Áp dụng như kiểm toán đơn vị dự toán cấp I, cấp II quy định tại tiểu mục 2.1.2, Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này.

c) Nội dung thực hiện kiểm toán

Áp dụng như kiểm toán đơn vị dự toán cấp I, cấp II quy định tại tiểu mục 2.1.3, Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này.

2.1.1.3.2. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán tại các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh

Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh gồm: các ban quản lý chương trình mục tiêu, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, các đơn vị dự toán cấp III và các đơn vị khác trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh và kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền. Các công việc kiểm toán: nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan; lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết; nội dung, phương pháp thực hiện kiểm toán, được áp dụng như kiểm toán các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dung kinh phí quy định tại tiểu mục 2.2, Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này.

2.1.1.3.3. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4. Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.3.4. Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.3.5. Lập biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.1.4. Kiểm toán các quỹ tài chính

- Những nội dung kiểm toán bao gồm các nội dung của kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động;

- Tổ chức thực hiện kiểm toán: Vận dụng Quy trình kiểm toán Tổ chức tài chính, ngân hàng hiện hành của KTNN từ khâu lập kế hoạch kiểm toán chi tiết đến thực hiện từng nội dung kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán.

2.1.1.5. Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản và các tài sản khác.

2.1.2. Kiểm toán ngân sách cấp huyện

Trình tự thực hiện kiểm toán ngân sách cấp huyện áp dụng trình tự kiểm toán ngân sách cấp tỉnh, được vận dụng phù hợp với mục tiêu, phạm vi, nội dung và nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện.

2.1.2.1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

2.1.2.1.1. Phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập

- Nghiên cứu, đánh giá về môi trường kiểm soát nội bộ của đơn vị hành chính cấp huyện;

- Đánh giá độ tin cậy, tính hợp pháp, hợp lệ của các thông tin thu thập được về thu, chi ngân sách tại các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Đánh giá việc tổ chức hạch toán thống kê và hạch toán kế toán ngân sách huyện;

- Nghiên cứu, đánh giá các quy trình và thủ tục kiểm soát nội bộ về lập, chấp hành, quyết toán và kiểm soát thu, chi ngân sách cấp huyện và tại các đơn vị trực thuộc;

- Phân tích báo cáo quyết toán thu, chi và kết dư ngân sách cấp huyện.

2.1.2.1.2. Đánh giá rủi ro kiểm toán, xác định các đơn vị được kiểm toán, xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán và xác định tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động

- Việc đánh giá và xác định rủi ro kiểm toán dựa trên những đánh giá tổng quát về các yếu tố tác động đến rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát tổng quát của từng đơn vị để làm cơ sở cho lựa chọn đơn vị được kiểm toán; dựa trên đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán và yêu cầu quản lý để lựa chọn đơn vị được kiểm toán;

- Đánh giá rủi ro và trọng yếu kiểm toán đối với các khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán ngân sách của từng đơn vị được kiểm toán;

- Tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động: xác định các phương pháp, căn cứ trong xây dựng, lựa chọn tiêu chí và mức chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động (tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực) trong từng hoạt động, từng yếu tố kinh tế của từng đơn vị được kiểm toán.

2.1.2.2. Lập và xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

2.1.2.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết:

Kế hoạch kiểm toán chi tiết được lập chung cho việc kiểm toán thu NSNN do các cơ quan tổ chức thu cấp huyện thực hiện và chi ngân sách cấp huyện; những nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán chi tiết, gồm:

- Mục tiêu kiểm toán: cụ thể hóa mục tiêu kiểm toán đối với ngân sách cấp huyện đã quy định tại tiểu mục 3.1, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này;

- Nội dung kiểm toán: được xác định phù hợp với nhiệm vụ quản lý, sử dụng ngân sách cấp huyện của đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị trực thuộc được kiểm toán;

- Xác định phạm vi và trọng tâm kiểm toán: xác định thời kỳ kiểm toán; xác định các bộ phận thuộc đơn vị được kiểm toán; xác định các nội dung trọng tâm kiểm toán trên cơ sở đánh giá cụ thể về kiểm soát nội bộ và theo kế hoạch kiểm toán quy định tại tiểu mục 3.1.3, Mục I, Phụ lục 02 của Quy trình này;

- Xác định các phương pháp kiểm toán: các phương pháp kiểm toán được xác định trong áp dụng đối với từng nội dung kiểm toán;

- Phân công nhiệm vụ kiểm toán: bố trí nhân sự và lịch trình kiểm toán cho việc kiểm toán tại từng đơn vị được kiểm toán trực thuộc đơn vị hành chính cấp huyện (chương trình kiểm toán).

2.1.2.2.2. Xét duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết: thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.2, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.2.3. Thực hiện kiểm toán

2.1.2.3.1. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán tại các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách cấp huyện

- Nội dung thực hiện kiểm toán tại các cơ quan quản lý điều hành ngân sách cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, *Chi cục Thuế huyện)*: áp dụng như kiểm toán hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp tỉnh quy định tại tiểu mục 2.1.1.1, Mục II, Phụ lục 02 của Quy trình này;

- Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện được thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

- Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.2.3.2. Kiểm toán thu NSNN tại các đối tượng nộp NSNN

Áp dụng như kiểm toán NSNN tại các đối tượng nộp NSNN cấp tỉnh tại tiểu mục 2.1.1.2.1, Mục II, Phụ lục 02 của Quy trình này.

2.1.2.3.3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán chi ngân sách cấp huyện

- Nội dung, phương pháp thực hiện kiểm toán tại các cơ quan sử dụng kinh phí ngân sách cấp huyện: các đơn vị dự toán của cấp huyện, các ban quản lý dự án đầu tư xây dưng và các ban quản lý chương trình mục tiêu, áp dụng như kiểm toán các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dung kinh phí quy định tại tiểu mục 2.2. Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này;

- Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện được thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

- Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.2.3.4. Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản và các tài sản khác

2.1.2.4. Lập biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Việc lập biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước; trong đó cần chú ý các nội dung sau:

Tổng hợp kết quả kiểm toán:

- Tổng hợp kết quả kiểm toán hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp huyện;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán chi ngân sách cấp huyện, gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán thu ngân sách gồm thu NSNN do cơ quan thu cấp huyện thực hiện và thu ngân sách cấp huyện là phần thu NSNN được điều tiết cho ngân sách cấp huyện do hệ thống các cơ quan thu ngân sách các cấp trên địa bàn địa phương thực hiện;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán kinh phí ngân sách cấp trên ủy quyền.

Đưa ra ý kiến kiểm toán: ý kiến xác nhận số liệu thu, chi, kết dư ngân sách trên báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện; các ý kiến kết luận và kiến nghị khác về

kiểm toán báo cáo quyết toán, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động đối với ngân sách cấp huyện.

2.1.3. Kiểm toán ngân sách cấp xã

2.1.3.1. Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin tài chính và các thông tin có liên quan

- Nghiên cứu, đánh giá về môi trường kiểm soát nội bộ của đơn vị hành chính cấp xã;

- Đánh giá việc tổ chức hạch toán thống kê và hạch toán kế toán ngân sách xã;

- Nghiên cứu, đánh giá các quy trình và thủ tục kiểm soát nội bộ về lập, chấp hành, quyết toán và kiểm soát thu, chi ngân sách xã;

- Đánh giá rủi ro và trọng yếu kiểm toán đối với các khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán ngân sách xã;

- Phân tích báo cáo quyết toán và kết dư ngân sách xã.

2.1.3.2. Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết

- Mục tiêu kiểm toán: đánh giá công tác quản lý, điều hành ngân sách xã; đánh giá sự tuân thủ pháp luật và các quy định trong lập, chấp hành và quyết toán ngân sách, việc tuân thủ các quy định trong quản lý thu, chi ngân sách; đánh giá tính trung thực, khách quan của báo cáo quyết toán; đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước của chính quyền cấp xã;

- Nội dung kiểm toán: xác định phù hợp với nhiệm vụ thu, chi của cấp xã và mục tiêu chung về kiểm toán ngân sách cấp xã được xác định trong kế hoạch kiểm toán ngân sách địa phương;

- Xác định phạm vi và trọng tâm kiểm toán, gồm: xác định thời kỳ kiểm toán; giới hạn về các tổ chức thuộc xã được kiểm toán và giới hạn về nội dung, phương pháp kiểm toán; xác định các trọng tâm kiểm toán thu, chi của ngân sách cấp xã;

- Xác định rủi ro kiểm toán và trọng yếu kiểm toán: xác định đối với từng khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán ngân sách xã;

- Xác định quy mô mẫu kiểm toán: đối với từng khoản mục thu, chi trên báo cáo quyết toán ngân sách xã (nếu không kiểm toán 100% tổng thể);

- Xác định các phương pháp kiểm toán: các phương pháp kiểm toán áp dụng đối với từng nội dung kiểm toán;

- Tiêu chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động: xác định các phương pháp, căn cứ trong xây dựng, lựa chọn tiêu chí và mức chuẩn đánh giá của kiểm toán hoạt động (tính tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực) trong từng hoạt động của chính quyền cấp xã;

- Phân công nhiệm vụ kiểm toán: bố trí nhân sự và lịch trình thực hiện kiểm toán cho từng nội dung kiểm toán (xây dựng chương trình kiểm toán cho từng bộ phận, nội dung kiểm toán).

2.1.3.3. Nội dung công việc thực hiện kiểm toán

2.1.3.3.1. Kiểm toán hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp xã

a) Các hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp xã

Công tác lập dự toán ngân sách:

- Những cơ sở cho việc lập dự toán ngân sách;

- Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm tra và quyết định ngân sách;

- Sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách và trong giải quyết cân đối ngân sách.

Công tác điều hành ngân sách:

- Việc tổ chức điều hành ngân sách quý, tiến độ thực hiện thu, chi ngân sách và giải quyết cân đối ngân sách, việc điều chỉnh ngân sách;

- Việc đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp, biện pháp trong quản lý thu, chi ngân sách;

- Việc tổ chức công tác kế toán và thống kê ngân sách;

- Việc thực hiện và chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài chính ngân sách;

Công tác tổng hợp quyết toán ngân sách:

- Những căn cứ lập quyết toán ngân sách; công tác thẩm định và tổng hợp quyết toán của các đơn vị thụ hưởng ngân sách;

- Việc thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng và thẩm định quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành;

- Việc tuân thủ các quy trình, thủ tục tổng hợp, lập, thẩm tra và phê chuẩn quyết toán ngân sách xã.

b) Công việc thực hiện kiểm toán: áp dụng như đối với kiểm toán công tác quản lý và điều hành NSNN quy định tại tại tiểu mục 2.1.1.3, Mục II, Phụ lục 02 của Quy trình này phù hợp với sự phân cấp quản lý thu, chi ngân sách cho cấp xã.

2.1.3.3.2. Kiểm toán thu NSNN do chính quyền cấp xã thực hiện

a) Kiểm toán các khoản thu do xã trực tiếp tổ chức thu:

- Các khoản phí, lệ phí thu vào ngân sách xã theo quy định;

- Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào NSNN theo chế độ quy định;

- Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do xã quản lý;

- Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo pháp luật quy định, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách xã theo chế độ quy định;

- Thu kết dư ngân sách xã năm trước;

- Thu bổ sung để cân đối ngân sách;

- Thu bổ sung có mục tiêu là các khoản bổ sung theo từng năm để hỗ trợ xã thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể;

- Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

Công việc thực hiện kiểm toán: áp dụng như đối với kiểm toán đơn vị tổ chức thu nhà nước quy định tại tại tiểu mục 2.1.1.3 và tiểu mục 2.1.2.1, Mục II, Phụ lục 02 của Quy trình này, phù hợp với sự phân cấp thu ngân sách cho cấp xã và bao gồm các nội dung: kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

b) Kiểm tra, đối chiếu số liệu thu do các cơ quan thu ngân sách các cấp tổ chức thu mà xã được hưởng theo tỷ lệ điều tiết.

2.1.3.3.3. Kiểm toán chi ngân sách cấp xã

a) Kiểm toán tại ban tài chính xã

- Các khoản chi đầu tư phát triển của ngân sách xã, gồm: chi đầu tư xây dựng và chi đầu tư phát triển khác;

- Chi cho hoạt động của các cơ quan nhà nước ở xã;

- Kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam ở xã;

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã;

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

- Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội;

- Chi cho công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do xã quản lý:

- Chi sự nghiệp giáo dục do cấp xã quản lý;

- Chi sự nghiệp y tế do cấp xã quản lý;

- Chi sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do xã quản lý;

- Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế, văn xã theo chế độ quy định;

- Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo quy định của pháp luật.

Công việc thực hiện kiểm toán: áp dụng như đối với kiểm toán đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí quy định tại tiểu mục 2.2, Mục II, Phụ lục 01 của Quy trình này phù hợp với sự phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cho cấp xã và bao gồm nội dung kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

b) Kiểm tra, đối chiếu số liệu chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp kinh tế, văn xã cho các đơn vị sự nghiệp do cấp xã quản lý

Các đơn vị sự nghiệp do xã quản lý: trường mẫu giáo, nhà trẻ, trạm xá, khuyến nông...

Nội dung công việc thực hiện kiểm tra, đối chiếu:

- Việc tổ chức hạch toán kế toán các khoản chi của cấp xã hỗ trợ;

- Việc thực hiện chi đúng mục đích hỗ trợ, tuân thủ pháp luật và các quy định trong chi các khoản chi của cấp xã hỗ trợ.

2.1.3.3.4. Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài sản, tài nguyên khoáng sản và các tài sản khác.

2.1.3.4. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, soát xét các phần việc kiểm toán do Kiểm toán viên thực hiện

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.4, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.3.5. Kiểm toán viên ký biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 2.5, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2.1.3.6. Lập biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán

Việc lập biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán ngân sách xã thực hiện theo quy định tại tiểu mục 3, Chương III của Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước; trong đó cần chú ý các nội dung sau:

- Tổng hợp kết quả kiểm toán hoạt động quản lý, điều hành ngân sách cấp xã;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán chi ngân sách cấp xã, gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên;

- Tổng hợp kết quả kiểm toán thu ngân sách cấp xã, gồm thu ngân sách cấp xã được hưởng 100% và thu điều tiết do các cơ quan thu ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện quản lý;

- Đưa ra ý kiến xác nhận số liệu thu, chi ngân sách trên báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã; các ý kiến kết luận và kiến nghị kiểm toán về kiểm toán báo cáo quyết toán, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động ngân sách xã.

Mục III
LẬP VÀ GỬI BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Chương IV của Quy trình này.

Mục IV
KIỂM TRA THỰC HIỆN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Chương IV của Quy trình này.